

Số: 15/2019/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 09 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 23/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/3/2019 về “TrA chấp ly hôn, nuôi con chung” giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lan A, sinh năm: 1994, Nơi đăng ký HKTT: tổ dân phố B, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G; Chỗ ở hiện nay: Đội M, xã I, huyện IG, tỉnh G.

2. Bị đơn: Anh Võ Văn H, sinh năm 1988, địa chỉ: tổ dân phố B, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G.

Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Lan A và Anh Võ Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lan A và anh Võ Văn H nhất trí thuận tình ly hôn vì cuộc sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn bất đồng, không thực sự mang lại hạnh phúc cho nhau.

- Về con chung và nuôi con chung: Chị Lan A và anh H công nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung tên là: Võ Minh Q, sinh ngày 30/7/2015. Hiện đang sống cùng anh H.

Giao cháu Q cho anh H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q thành niên và có khả năng lao động tự lập được. Anh H không yêu cầu chị Lan A cấp dưỡng nuôi cháu Q.

Chị Lan A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Lan A và anh H đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lan A và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Hòa giải thành được giảm 50% án phí = 150.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Lan A tự nguyện chịu hết 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch về ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003072 ngày 06/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Hoàn trả lại cho chị Lan A số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 150.000 đồng.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND TT C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lại Hùng Hưng